TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101 /2023/HNGĐ- ST
Ngày 30/8/2023
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LN, TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Hợp.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thụ.
Ông Nguyễn Hữu Thái.
-***Thư ký phiên tòa***: Bà Lưu Thị Trưng- Thư ký Tòa án.
-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LN, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện LN, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 252/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2023 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1970. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- ***Bị đơn***: Ông Dương Văn C, sinh năm 1967. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã Thanh L, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà Nguyễn Thị N kết hôn với ông Dương Văn C năm 1988, trước khi kết hôn có tìm hiểu thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh L, huyện LN. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống với nhau ngay, có thời gian hòa thuận và có 02 con chung, trong quá trình chung sống vợ chồng cơ bản là hạnh phúc không có mâu thuẫn lớn xảy ra. Đến năm 2019, ông Dương Văn C thường xuyên chửi bới nhục mạ và đánh đập bà, đặc biệt là khi ông C đi uống rượu về luôn có lời lẽ xúc phạm bố mẹ và anh chị em ruột bà N. Do không chịu đựng được cuộc sống như vậy, năm 2019 bà N đã xin ly hôn ông C nhưng được sự động viên của gia đình và các con nên bà đã tha thứ cho ông C nhưng chỉ được một thời gian ngắn ông C lại tiếp tục chửi bới

đánh đập bà. Nay bà N xác định tình cảm không còn, bà N xin ly hôn ông C theo quy định của pháp luật.

Con chung: Bà N và ông C có 02 con chung là Dương Văn K, sinh năm 1989 và Dương Thị N, sinh năm 1992. Nay hai con đã trưởng thành, sau khi ly hôn không yêu cầu giải quyết.

Tài sản, công nợ, ruộng canh tác không có vướng mắc gì, nếu vợ chồng phải ly hôn bà không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Dương Văn C trình bày: Ông C kết hôn với bà Nguyễn Thị N năm 1988, khi cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh L, huyện LN; tuy nhiên quá trình chung sống ông và bà N đã làm mất giấy đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống giữa hai bên không phù hợp, hai bên không chung chí hướng phát triển kinh tế dẫn đến thường xuyên cãi vã. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn hai bên gia đình có dàn xếp nhưng không có kết quả. Nay ông C xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, hai bên có thể chung sống cùng nhau, tuy nhiên nếu bà N K quyết muốn giải quyết không công nhận vợ chồng giữa ông và bà N thì ông cũng nhất trí.

Con chung: Bà N và ông C có 02 con chung là Dương Văn K, sinh năm 1989 và Dương Thị N, sinh năm 1992. Nay hai con đã trưởng thành, sau khi ly hôn không yêu cầu giải quyết.

Tài sản, công nợ, ruộng canh tác không có vướng mắc gì, nếu vợ chồng phải ly hôn ông không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị N vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa ông Dương Văn C vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LN phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử, nghị án là đúng quy định của pháp luật. Về ý kiến giải quyết vụ án đề nghị HĐXX:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 227- Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC- BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án. Xử:

1- Tuyên bố: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị N và ông Dương Văn C.

2- Về con chung, tài sản: Không xem xét giải quyết.

3- Tài sản: Không xem xét giải quyết.

4- Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Dương Văn C là bị đơn trong vụ án có hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã Thanh L, huyện LN. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện LN, tỉnh Bắc Giang là Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị N và ông Dương Văn C vắng mặt nhưng đã có đơn xin giải quyết vắng mặt, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt bà N, ông C theo quy định tại khoản 1 Điều 227 – Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Theo Bà Nguyễn Thị N trình bày bà kết hôn với ông Dương Văn C từ năm 1988, khi cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh L, huyện LN, quá trình chung sống với ông C đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, khi xảy ra mâu thuẫn ông C thường xuyên chửi bới đánh đập bà, nay bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông C. Theo ông C trình bày ông và bà N có đăng ký kết hôn năm 1988 tại UBND xã Thanh L, huyện LN; tuy nhiên quá trình chung sống ông và bà N đã làm mất giấy đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống giữa hai bên không phù hợp, hai bên không chung chí hướng phát triển kinh tế dẫn đến thường xuyên cãi vã. Nay ông C nhất trí ly hôn bà N. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án ông Dương Văn C và bà Nguyễn Thị N không cung cấp được đăng ký kết hôn. Căn cứ lời khai của hai bên, Tòa án xác minh tại UBND xã Thanh L, huyện LN, tỉnh Bắc Giang về việc đăng ký kết hôn giữa bà Nguyễn Thì N và ông Dương Văn C thì hiện tại UBND xã Thanh L, huyện LN chỉ còn lưu hồ sơ, sổ sách về việc đăng ký kết hôn từ năm 2001 cho đến nay. Sau khi tra cứu, toàn bộ hồ sơ về việc đăng ký kết hôn của UBND xã Thanh L lưu giữ đến thời điểm xác minh không thấy có tên bà Nguyễn Thị N và ông Dương Văn C nên không xác định được bà N và ông C có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh L hay không. UBND xã Thanh L xác nhận bà N và ông C chung sống với nhau từ năm 1988 cho đến nay. Như vậy, không có căn cứ xác định bà Nguyễn Thị N và ông Dương Văn C có đăng ký kết hôn. Bà N và ông C chung sống với nhau sau ngày 03/01/1987 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo khoản 4 Điều 3 Thông tư

liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC- VKSNDTC- BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, hướng dẫn… "*Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ*". Khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của luật này và pháp luật về hộ tịch*.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý". Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: " *Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng*…". Căn cứ theo quy định của pháp luật đã viện dẫn ở trên; Hội đồng xét xử cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị N và ông Dương Văn C.

[3] Về con chung: Bà N và ông C có 02 con chung là Dương Văn K, sinh năm 1989 và Dương Thị N, sinh năm 1992. Nay hai con đã trưởng thành, sau khi ly hôn không yêu cầu giải quyết. Nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng đất bà N và ông C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Đề nghị của đại diện VKS ở tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 227- Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC- BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án. Xử:

(1) Tuyên bố: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị N và ông Dương Văn C.

(2) Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0014637 ngày 19/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LN. (Xác nhận bà N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm).

(3) Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bắc Giang;
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-VKSND huyện LN;
-CCTHADS huyện LN;
-UBND xã Thanh L;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án;
-Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn Hợp